TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2020
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Lưu Minh Sửu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1977, Nơi ĐKHKTT: Thôn 1, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; hiện cư trú tại: Thôn L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973, cư trú tại: Thôn 1, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Th trình bày:

Chị và anh L qua việc tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo

phong tục tập quán địa phương vào đầu năm 1995, nhưng không làm đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng chị vẫn có gắng chịu đựng để nuôi con. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh L không tin tưởng vợ con, nên thường xuyên đe dọa, xúc phạm chị khiến chị lo lắng. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 18/02/1996 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 23/12/1999. Quan điểm của chị là các con đều đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị Th tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 1995, nhưng không làm đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, mặc dù cả anh và chị Th đều có thời gian đi chấp hành án trong trại giam do phạm tội. Chỉ từ khi anh đi chấp hành án tù về vợ chồng có cãi nhau, nhưng đã được dàn xếp ổn thỏa trong tết; đến ra ngoài tết vào ngày 03/02/2020 vợ chồng có cãi nhau do bất đồng trong sinh hoạt, nên chị Th đã tự ý bỏ nhà đi cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng hiện tại vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 18/02/1996 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 23/12/1999. Quan điểm của anh là các con đều đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh L xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 28/5/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã Th cho biết: Chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L có quan hệ sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn; vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 18/02/1996 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 23/12/1999; cả 02 cháu đều đã trưởng thành. Qúa trình chung sống tại địa phương, năm 2019 sau khi anh L đi chấp hành án tù về thì giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nên chị Th bỏ về bên ngoại ở, từ đó vợ chồng đã ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng gia đình không báo, nên địa phương không biết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L; Về con chung: Chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 18/02/1996 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 23/12/1999, hiện 02 con chung đều đã thành niên, nên không xem xét; Về tài sản và công nợ: Không xem xét; Về án phí: Buộc chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Th khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn L, cư trú tại: Thôn 1, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục, nhưng anh chị không làm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống tình cảm giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 02/2020 anh chị đã sống ly thân. Nay chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh L là vi phạm quy định về "đăng ký kết hôn" tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 18/02/1996 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 23/12/1999. Hiện cả 02 con chung đều đã thành niên, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của

pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Văn L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 18/02/1996 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 23/12/1999. Hiện tại các con chung đều đã thành niên và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007254 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Vũ Thị Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến